

Số: 1184 /ĐHDT-CTSV

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 9 năm 2025

HƯỚNG DẪN

“Về việc vay vốn tín dụng đối với học viên, sinh viên đang học các ngành khoa học, công nghệ và kỹ thuật ”

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán;

Đại học Duy Tân hướng dẫn thủ tục và quy trình cho vay vốn như sau :

I. ĐỐI TƯỢNG VAY VỐN

Sinh viên (SV), học viên (HV) thạc sĩ, nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam đang theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

Các ngành Đại học Duy Tân đang đào tạo; gồm có:

Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
742	Khoa học sự sống	Lĩnh vực đào tạo
7420201	Công nghệ Sinh học	
744	Khoa học tự nhiên	Lĩnh vực đào tạo
746	Toán và thống kê	Lĩnh vực đào tạo
7460108	Khoa học dữ liệu	
7460108	- Khoa học dữ liệu	
7460108	- Big Data & Machine Learning	
748	Máy tính và công nghệ thông tin	Lĩnh vực đào tạo
7480101	Khoa học máy tính	
7480101	- Khoa học máy tính	
7480101	- Kỹ thuật máy tính	
7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
7480102	- Kỹ thuật mạng	
7480102	- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
7480103	Kỹ thuật phần mềm	
7480103	- Kỹ thuật Phần mềm	
7480103	- Thiết kế Games & Multimedia	
7480107	Trí tuệ nhân tạo	
7480202	An toàn thông tin	
7480202	- An ninh mạng	
751	Công nghệ kỹ thuật	Lĩnh vực đào tạo
7510102	Công nghệ công trình xây dựng	
7510102	- Quản lý xây dựng	

7510202	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	
7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
7510205	- Công nghệ kỹ thuật ô tô	
7510205	- Điện ô tô	
7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
7510301	- Điện tử động	
7510301	- Điện tử - viễn thông	
7510301	- Điện- Điện tử chuẩn PNU	
7510301	- Thiết kế Vi mạch bán dẫn	
7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	
7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
752	Kỹ thuật	Lĩnh vực đào tạo
7520201	Kỹ thuật điện	
7520212	Kỹ thuật y sinh	
7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
7520216	- Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa	
7520216	- Cơ điện tử chuẩn PNU	
754	Sản xuất và chế biến	Lĩnh vực đào tạo
7540101	Công nghệ thực phẩm	
758	Kiến trúc và xây dựng	Lĩnh vực đào tạo
7580101	Kiến trúc	
7580101	- Kiến trúc công trình	
7580101	- Thiết kế nội thất	
7580201	Kỹ thuật xây dựng	
7580201	- Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	
7580201	- Xây dựng Cầu đường	

II. ĐIỀU KIỆN VAY VỐN

Học viên, sinh viên (người học) đang học các ngành: khoa học, công nghệ và kỹ thuật (thuộc các lĩnh vực đào tạo, các chuyên ngành trên)

1. Đối với sinh viên:

1.1. Sinh viên đang học năm thứ nhất:

Có đồng thời cả ba năm học trung học phổ thông được đánh giá kết quả học tập đạt loại khá trở lên hoặc đạt điểm trung bình môn năm lớp 12 của các môn toán, vật lý, hóa học, sinh học từ 8 điểm trở lên.

1.2. Sinh viên đang học năm thứ hai trở đi: Có kết quả học tập trung bình các môn học phải đạt loại **Giỏi** trở lên (≥ 3.20) (kết quả lấy năm trước liền kề với năm đề nghị vay vốn).

2. Học viên học thạc sĩ, nghiên cứu sinh được được Nhà trường công nhận là học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh đang học tập và nghiên cứu tại Đại học Duy Tân.

3. Tại thời điểm đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn, người học phải điền Tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại **Phụ lục I** và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Hằng năm người học phải điền thông tin theo mẫu quy định tại **Phụ lục II**.

Ghi chú:

- Trường hợp khách hàng đang vay vốn theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), nếu thuộc đối tượng, đáp ứng đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn theo quy định tại Quyết định này thì được chuyển sang áp dụng cơ chế vay vốn theo quy định tại quyết định này trong thời gian học còn lại mà không phải trả trước hạn khoản vay theo Quyết định 157/2007/QĐ-TTg.

III. PHƯƠNG THỨC CHO VAY

1. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của học viên, sinh viên là người đứng tên vay vốn và giao dịch với Ngân hàng chính sách xã hội tại địa phương nơi cư trú.

2. Trường hợp hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không có khả năng lao động hoặc không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, người học trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

IV. MỨC VAY VỐN

1. Mức vay vốn tối đa với 01 người học để hỗ trợ trang trải tiền học phí, tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian còn lại của khóa học, bao gồm:

a) Toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường nếu có);

b) Tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác tối đa là 5 triệu đồng/tháng.

2. Căn cứ quy định tại khoản 1, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận thống nhất với khách hàng vay vốn để xem xét, quyết định mức vay cụ thể đối với từng người học.

V. LÃI XUẤT CHO VAY

1. Lãi cho vay 4.8%/năm (0.4%/tháng).

2. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay

VI. THỜI HẠN CHO VAY

1 Thời hạn cho vay bao gồm: thời hạn giải ngân vốn vay, thời gian kể từ người học kết thúc khóa học đến thi bắt đầu trả khoản nợ vay đầu tiên và thời hạn trả nợ.

2. Thời gian giải ngân vốn vay là khoảng thời gian tính từ ngày khách hàng nhận khoản vay đầu tiên cho đến ngày người học kết thúc khóa học, kể cả thời gian người học được nhà trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có):

a) Thời hạn giải ngân vốn vay được chia thành các kỳ hạn giải ngân vốn vay do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định hoặc thỏa thuận với khách hàng vay vốn;

b) Ngân hàng Chính sách xã hội không giải ngân vốn vay trong thời gian người học được nhà trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có).

c) Trong thời gian giải ngân vốn vay, khách hàng vay vốn chưa phải trả nợ gốc và lãi.

3. Kể từ ngày người học kết thúc khóa học 12 tháng theo quy định, khách hàng vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn mà không phải chịu lãi phạt trả nợ trước hạn.

4. Thời hạn trả nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định, tối đa bằng thời gian giải ngân vốn vay trừ đi thời gian người học được nhà trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có). Thời hạn trả nợ được chia thành nhiều kỳ hạn trả nợ với mức trả nợ mỗi kỳ do Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định.

VII. QUY TRÌNH CẤP TỜ KHAI THÔNG TIN (tờ khai thông tin tại thời điểm đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn và tờ khai thông tin hàng năm)

- Tại thời điểm đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn, người học phải điền Tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại **Phụ lục I**, và hàng năm người học phải điền thông tin theo mẫu quy định tại **Phụ lục II**
- Sinh viên năm nhất: cần photo học bạ 3 năm học ở Trường THPT.
- Sinh viên từ thứ hai trở về sau: in kết quả học tập điểm trung bình năm học trước liền kề kèm theo.

Sinh viên điền đầy đủ thông tin chính xác theo yêu cầu, trực tiếp nộp về Ban Công tác sinh – Phòng 214 cơ sở K7/25 Quang Trung

Ghi chú:

- Sinh viên căn cứ danh mục ở mục I trên để điền đúng tên Ngành mình học và **mã ngành** (7 chữ số tương ứng).

- Tại mục: **Học phí và các khoản hỗ trợ tại trường** : số tiền học phí trong thời gian còn lại của khóa học theo quy định: *được tính bằng tổng số tiền học phí 1 kỳ học chia 5 tháng* (Ví dụ học phí 1 kỳ là 15.980.000 thì $(15.980.000/5 = 3.196.000) \Rightarrow 3.196.000$).

- Các khoản khác nếu có trong 1 kỳ, cũng được chia đều cho 5 tháng.

Ban Công tác sinh viên, Hiệu trưởng các trường đào tạo có người học thuộc các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật triển khai đầy đủ thông tin hướng dẫn đến sinh viên có nhu cầu vay vốn tín dụng theo quyết định số 29/2025/QĐ-TTg biết thực hiện kê khai thông tin để đại diện hộ gia đình làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Nơi nhận:

- Đảng ủy (b/c)
- BGĐ (c/d)
- Các đơn vị (t/h)
- Lưu: VT, B, CTSV

**TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC SINH VIÊN**



ThS. Nguyễn Thôi

Phụ lục I
MẪU TỜ KHAI THÔNG TIN TẠI THỜI ĐIỂM ĐỀ NGHỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHO VAY VỐN
(Kèm theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THÔNG TIN TẠI THỜI ĐIỂM ĐỀ NGHỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHO VAY VỐN

1. Đối tượng vay vốn¹

Họ và tên học sinh sinh viên/Học viên thạc sỹ/nghiên cứu sinh:.....
.....

Ngày sinh:...../...../.....Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

CCCD số: ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

Tên cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang theo học:.....
.....

Hệ đào tạo (Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ...):.....
.....

Ngành, lĩnh vực đào tạo:

- ☐ Khoa học sự sống
- ☐ Khoa học tự nhiên
- ☐ Máy tính và công nghệ thông tin
- ☐ Công nghệ kỹ thuật
- ☐ Kỹ thuật
- ☐ Kiến trúc và xây dựng
- ☐ Sản xuất và chế biến
- ☐ Toán và thống kê
- ☐ Công nghệ tài chính
- ☐ Các ngành đào tạo công nghệ then chốt khác theo quy định của pháp luật

Mã ngành:.....
.....

Loại hình đào tạo:.....
.....

¹ Căn cứ vào từng đối tượng cụ thể để điền thông tin cho phù hợp

Họ và tên học sinh sinh viên/Học viên thạc sỹ/nghiên cứu sinh:.....

Ngày nhập học (tháng/năm):/..... Đang học năm thứ:.....

Thời gian dự kiến ra trường (tháng/năm):...../.....

Thời gian học tại trường: tháng.

Đơn vị công tác (nếu có):.....

2. Điều kiện vay vốn

a) Đối với HSSV năm nhất:

- Xếp loại học lực của 03 năm học THPT:

Lớp 10:..... Lớp 11:..... Lớp 12:.....

- Điểm trung bình năm lớp 12 THPT của các môn:

Toán:..... Vật lí:..... Hóa học:..... Sinh học:.....

b) Đối với HSSV từ năm hai trở đi:

- Điểm trung bình các môn của năm học liền kề trước:.....

- Xếp loại năm học liền kề trước:.....

3. Học phí và các khoản hỗ trợ tại trường

- Số tiền học phí trong thời gian còn lại của khoá học theo quy định:đồng/tháng.

- Số tiền hỗ trợ tài chính của nhà trường (nếu có):.....đồng/tháng.

- Số tiền học bổng (nếu có):.....đồng/tháng.

- Số tiền miễn giảm khác (nếu có):.....đồng/tháng.

- Số tiền học phí còn phải đóng (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường).....đồng/tháng.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI HỌC

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)



Phụ lục II

MẪU TỜ KHAI THÔNG TIN HÀNG NĂM CỦA NGƯỜI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg

ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THÔNG TIN HÀNG NĂM

1. Thông tin người học

Họ và tên:.....

Ngày sinh:...../...../.....Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

CCCD số: ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

Tên cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang theo học:.....

Có thay đổi ngành, lĩnh vực đào tạo so với năm trước không? ☐ Có ☐ Không

Nếu có, ngành, lĩnh vực đào tạo thay đổi có thuộc một trong các ngành, lĩnh vực đào tạo STEM¹ hay không? ☐ Có ☐ Không

Nêu rõ ngành và mã ngành:.....

Thời gian đã học tại trường: tháng. Thời gian được trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập.....tháng (nếu có).

Đơn vị công tác (nếu có):.....

2. Học phí và các khoản hỗ trợ tại trường

- Số tiền học phí trong thời gian còn lại của khoá học theo quy định:đồng/tháng.

- Số tiền hỗ trợ tài chính của nhà trường:.....đồng/tháng.

- Số tiền học bổng:.....đồng/tháng.

- Số tiền miễn giảm khác.....đồng/tháng.

- **Số tiền học phí còn phải đóng** (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường).....đồng/tháng.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI HỌC

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

¹ Một trong các ngành, lĩnh vực đào tạo sau: Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Kiến trúc và xây dựng; Sản xuất và chế biến; Toán và thống kê; Công nghệ tài chính; Các ngành đào tạo công nghệ then chốt khác theo quy định của pháp luật.